

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 270/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-11-2024
V/v “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn
giữa chị D và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phương;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Xóm C, xã H, xã H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị D, anh T vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/08/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Chị Ngô Thị D và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 31/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm C, xã H. Quá trình chung sống, mặc dù đã có hai con chung nhưng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan

điểm sống khác nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị D, anh T đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2024 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị D giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D, anh T có hai con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 02/8/2010. Hiện cháu M đã trưởng thành lập gia đình ở riêng, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N đang ở cùng chị D; chị D nhận nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị D và anh T đề nghị tự thỏa thuận phân chia; trường hợp không thỏa thuận được, chị D sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2024, bị đơn anh Phạm Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm đã không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã không thể hàn gắn nên anh T nhất trí thuận tình ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 02/8/2010. Hiện nay, cháu M đã thành niên, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu N đang ở cùng chị D. Mặc dù có nguyện vọng được nuôi con nhưng anh T tôn trọng nguyện vọng của con, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu N.

Về tài sản: Anh T xin được tự thỏa thuận phân chia với chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị D và anh Phạm Văn T đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị D theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị D và anh Phạm Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 31/12/1998.

Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau nên anh T và chị D thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2024, chị D và anh T đã sống ly thân. Trong suốt thời gian sống ly thân, chị D và anh T đã được gia đình đôi bên hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị D, anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của chị D có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn; căn cứ lời khai của chị D và anh T về nguyện vọng xin được ly hôn, Hội đồng xét xử xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D và anh T, cho chị Ngô Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị D và anh T có 02 hai con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 24/11/1999 và cháu Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 02/8/2010. Hiện nay cháu M đã trưởng thành lập gia đình ở riêng, chị D, anh T đều không yêu cầu nên Toà án giải quyết. Cháu N hiện đang ở với chị D; chị D nhận nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; anh T đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị D.

Xét yêu cầu của các đương sự trong việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi. Cháu N là con gái, cần sự chăm sóc tỉ mỉ từ người mẹ; trong suốt thời gian ở cùng mẹ, cháu N phát triển bình thường cả về thể lực và trí lực. Bản thân cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị D, anh T đều đề nghị được tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí: Chị Ngô Thị D phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Phạm Văn T.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Diễm N, sinh ngày 02/8/2010 cho chị Ngô Thị D nuôi dưỡng đến khi cháu Ngọc thành N1. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị D. Chị D, anh T có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Do cháu N đang ở với chị D nên anh T không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị D nuôi dưỡng.
3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0003321 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chi Ngô Thị D1 nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

